

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Cường
2. Ông Châu Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị L**, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số A, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Anh K**, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số C, đường N, Khóm B, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/8/2022 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Phan Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh K tự tìm hiểu được khoảng 02 năm thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào cuối năm 2009 và đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Từ năm 2015 vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn nhưng đến tháng 06/2022 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không chí thú làm ăn để phụ giúp kinh tế gia đình, không quan tâm đến chị L nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã; anh K còn thường xuyên đi nhậu bên ngoài không chịu đi làm để lo cho bản thân nên cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 06/2022 cho đến nay, chị tách hộ khẩu và đang sống tại nhà cha mẹ ruột tại số A, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh K, yêu cầu được ly hôn anh K.

- Về con chung: Chị và anh K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh K không có nợ chung cũng không ai nợ vợ chồng chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Huỳnh Anh K được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K đều vắng mặt nên không công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn xác định vợ chồng chị có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh K không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phan Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Huỳnh Anh K, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị

đơn đều không đến tham dự các phiên họp này nên Tòa án lập Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ không được, Biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung; Phiên tòa lần thứ nhất ngày 30/12/2022, phiên tòa lần thứ hai ngày 01/02/2023 đều tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt, không lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh K tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị L trình bày: Từ tháng 06/2022 vợ chồng chị mâu thuẫn trầm trọng, do anh K không chí thú làm ăn, không quan tâm đến chị, nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 06/2022 cho đến nay; hiện chị đang sống tại nhà cha mẹ ruột tại số A, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; Anh K vẫn sinh sống tại nhà chung của anh chị theo địa chỉ 32/26, đường N, khóm B, Phường E, thành phố V. Từ ngày sống ly thân đến nay chị không liên lạc với anh K, vợ chồng cũng không gặp mặt nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, không tới lui thăm hỏi nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh K, mục đích hôn nhân không đạt được và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh K.

Bị đơn không có bất cứ phản hồi nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho thấy anh K không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Ngoài ra, tại văn bản đề nghị xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị L ngày 22/8/2022 của Ủy ban nhân dân Phường E có nội dung: Chị L và anh K mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Anh K không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, gây gổ trong gia đình. Nội dung xác nhận này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị L.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L và anh K ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: Chị L và anh K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng chị tự thỏa thuận về tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị L trình bày: Chị và anh K không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Phan Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001466 ngày 05/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị L với anh Huỳnh Anh K.
2. Về con chung: Chị L và anh K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.
3. Về tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng chị tự thỏa thuận về tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Chị L trình bày: Chị và anh K không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001466 ngày 05/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- UBND Phường 5;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận